

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải số 23/2004/
QĐ-BGTVT ngày 04/11/2004
ban hành mẫu “Lý lịch liên
tục của tàu biển”, mẫu “Các
sửa đổi, bổ sung đối với Lý
lịch liên tục của tàu biển” và
mẫu “Bản danh mục các sửa
đổi, bổ sung đối với Lý lịch
liên tục của tàu biển”.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 191/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển;

Căn cứ sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển; Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và Nghị quyết A. 959 (23) ngày 05/12/2003 của Tổ chức Hàng hải quốc tế ban hành và hướng dẫn việc duy trì mẫu Lý lịch liên tục của tàu biển;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Nay ban hành mẫu “Lý lịch liên tục của tàu biển”, mẫu “Các sửa đổi, bổ sung đối với Lý lịch liên tục của tàu biển” và mẫu “Danh mục các sửa đổi, bổ sung đối với Lý lịch liên tục của tàu biển” quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này để áp dụng cho tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế và công ty khai thác tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế.

2. Mẫu “Lý lịch liên tục của tàu biển, mẫu sửa đổi, bổ sung đối với Lý lịch liên tục của tàu biển” và mẫu “Bản danh mục các sửa đổi, bổ sung đối với Lý lịch liên tục của tàu biển” nêu tại khoản 1 Điều này thay thế cho mẫu “Lý lịch của tàu biển” quy định tại Phụ lục 2 của Quyết định số 170/2004/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc áp dụng Sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước SOLAS 74 và Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

Điều 2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này và các quy định khác theo Nghị quyết A. 959 (23) ngày 05/12/2003 của Tổ chức Hàng hải quốc tế.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có

liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

Phụ lục

MẪU 1

LÝ LỊCH LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

The Socialist Republic of Vietnam



LÝ LỊCH LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN SỐ.....

CONTINUOUS SYNOPSIS RECORD (CSR) DOCUMENT NUMBER

CẤP CHO TÀU BIỂN CÓ SỐ IMO.....

FOR THE SHIP WITH IMO NUMBER

STT No.	Thông tin Information	
1	Tài liệu này áp dụng từ (ngày): <i>This document applies from (date):</i>	
2	Quốc gia tàu mang cờ: <i>Flag State:</i>	
3	Ngày đăng ký mang cờ quốc tịch của Quốc gia nêu ở Mục 2: <i>Date of registration with the State indicated in 2:</i>	
4	Tên tàu: <i>Name of ship:</i>	
5	Cảng đăng ký: <i>Port of registration:</i>	
6	Tên Chủ tàu đăng ký hiện tại: <i>Name of current registered owner(s):</i> Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i>	

09638060

STT No.	Thông tin Information	
7	<p>Tên của người thuê tàu trần đăng ký (nếu có) <i>If applicable, name of current registered bareboat charterer(s):</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i></p>	
8	<p>Tên của Công ty (quản lý an toàn quốc tế) <i>Name of Company (International Safety Management)</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i></p> <p>Nơi tiến hành các hoạt động quản lý an toàn: <i>Address(es) of its safety management activities:</i></p>	
9	<p>Tên của các tổ chức phân cấp tàu <i>Name of all classification societies which the ship is classed:</i></p>	
10	<p>Tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phù hợp: <i>Administration / Government / Recognized Organization which issued Document of Compliance:</i></p> <p>Tổ chức thực hiện việc đánh giá (nếu khác): <i>Body which carried out audit (if different):</i></p>	09638060
11	<p>Tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quản lý an toàn: <i>Administration / Government / Recognized Organization which issued Safety Management Certificate:</i></p> <p>Tổ chức thực hiện việc đánh giá (nếu khác): <i>Body which carried out audit (if different):</i></p>	
12	<p>Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển: <i>Administration / Government / Recognized Security Organization which issued International Ship Security Certificate:</i></p> <p>Cơ quan thực hiện việc thẩm tra (nếu khác): <i>Body which carried out verification (if different):</i></p>	
13	<p>Ngày chấm dứt đăng ký với Quốc gia nêu ở Mục 2: <i>Date on which the ship ceased to be registered with the State indicated in 2:</i></p>	

Xác nhận rằng bản Lý lịch này hoàn toàn chính xác.

THIS IS TO CERTIFY THAT this record is correct in all respects.

Do Cục Hàng hải Việt Nam cấp.

Issued by the Vietnam Maritime Administration.

Ngày và nơi cấp:

Place and date of issue:

Chữ ký của người có thẩm quyền:

Signature of authorized person:

Tên của người có thẩm quyền:

Name of authorized person:

Tàu đã nhận được tài liệu này và đính vào Hồ sơ Lý lịch liên tục của tàu biển
ngày:

*This document was received by the ship and attached to the ship's CSR file on the
following date:*

Ký tên:

Signature:

MẪU 2**CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI LÝ LỊCH LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN****CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI LÝ LỊCH LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN SỐ.....****AMENDMENTS TO THE CSR DOCUMENT NUMBER****CẤP CHO TÀU BIỂN CÓ SỐ IMO.....****FOR THE SHIP WITH IMO NUMBER**

Các sửa đổi, bổ sung được ghi ở Bảng dưới đây. Các hạng mục không thay đổi thì ghi: N/C.

The amendments are shown in the table. Indicate N/C for all items not being changed.

Ngày tháng năm sử dụng: ngày/ tháng/ năm

Dates should be in the format dd / mm / yyyy

STT No.	Thông tin Information
1	Tài liệu này áp dụng từ (ngày): <i>This document applies from (date):</i>
2	Quốc gia tàu mang cờ: <i>Flag State:</i>
3	Ngày đăng ký mang cờ quốc tịch của Quốc gia nêu ở Mục 2: <i>Date of registration with the State indicated in 2:</i>
4	Tên tàu: <i>Name of ship:</i>
5	Cảng đăng ký: <i>Port of registration:</i>
6	Tên Chủ tàu đăng ký hiện tại: <i>Name of current registered owner(s):</i> Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i>

STT No.	Thông tin Information	
7	<p>Tên của người thuê tàu trần đăng ký (nếu có) <i>If applicable, name of current registered bareboat charterer(s):</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i></p>	
8	<p>Tên của Công ty (quản lý an toàn quốc tế) <i>Name of Company (International Safety Management)</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký: <i>Registered address(es):</i></p> <p>Nơi tiến hành các hoạt động quản lý an toàn: <i>Address(es) of its safety management activities:</i></p>	
9	<p>Tên của các tổ chức phân cấp tàu <i>Name of all classification societies which the ship is classe:</i></p>	
10	<p>Tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phù hợp: <i>Administration / Government / Recognized Organization which issued Document of Compliance:</i></p> <p>Tổ chức thực hiện việc đánh giá (nếu khác): <i>Body which carried out audit (if different):</i></p>	09638060
11	<p>Tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quản lý an toàn: <i>Administration / Government / Recognized Organization which issued Safety Management Certificate:</i></p> <p>Tổ chức thực hiện việc đánh giá (nếu khác): <i>Body which carried out audit (if different):</i></p>	
12	<p>Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển: <i>Administration / Government / Recognized Security Organization which issued International Ship Security Certificate:</i></p> <p>Cơ quan thực hiện việc thẩm tra (nếu khác): <i>Body which carried out verification (if different):</i></p>	
13	<p>Ngày chấm dứt đăng ký với Quốc gia nêu ở Mục 2: <i>Date on which the ship ceased to be registered with the State indicated in 2:</i></p>	

Xác nhận rằng Lý lịch này hoàn toàn chính xác.

THIS IS TO CERTIFY THAT this record is correct in all respects.

Phát hành bởi Công ty hoặc Thuyền trưởng:.....

Issued by the Company or Master:

Ngày và nơi phát hành:

Place and date of issue:

Chữ ký của người có thẩm quyền:.....

Signature of authorized person:

Tên của người có thẩm quyền:.....

Name of authorized person:

MẪU 3
BẢN DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI LÝ LỊCH
LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN

BẢN DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI LÝ LỊCH LIÊN TỤC
CỦA TÀU BIỂN

SỐ.....

INDEX OF AMENDMENTS TO THE CSR DOCUMENT NUMBER

CẤP CHO TÀU BIỂN CÓ SỐ IMO.....

FOR THE SHIP WITH IMO NUMBER

Sau khi Lý lịch liên tục của tàu biển được cấp, các sửa đổi, bổ sung đã được Công ty hoặc thuyền trưởng điền vào, Bản danh mục các sửa đổi, bổ sung được đính kèm với Hồ sơ Lý lịch liên tục của tàu biển và phải được thông báo cho Cục Hàng hải Việt Nam biết.

After this CSR document was issued, the following amendments to entries on the document have been made by the Company or the Master, have been attached to the ship's CSR file and have been notified to the Vietnam Maritime Administration.

<p>Ngày áp dụng sửa đổi, bổ sung <i>Date of application of Amendments</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Lý lịch liên tục của tàu biển Thông tin từ Mục 2 - 13 <i>Amendments to CSR Information (2 - 13)</i></p>	<p>Ngày Bản danh mục các sửa đổi, bổ sung được đính vào Hồ sơ Lý lịch liên tục của tàu biển <i>Date amendment form attached to the ship's CSR file</i></p>

Ghi chú: Mẫu của Bản danh mục này có thể được sử dụng tiếp nếu có nhiều sửa đổi, bổ sung và được đính kèm làm Phụ lục của Bản danh mục này. Các Phụ lục này được đánh số từ 1 trở đi. Cần chỉ rõ là: Phụ lục số... được đính kèm với Bản danh mục này.

NOTE: *If more amendments are issued than allowed for in the above table, add copies of this table as Appendices to this page. Such Appendices should be numbered from 1 and upwards. When relevant, indicate as follows: Appendices no..... has been added to this page.*